

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2025/DS-ST

Ngày: 25/7/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thụy Hồng Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liên

2. Ông Nguyễn Bảo Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 4 (Cơ sở 1) - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 763/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 295/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa 197/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2025 và quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nguyệt N, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp T, xã T (tên cũ: xã T, huyện T), tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Trung H, sinh năm 1995; Địa chỉ: B Đường số E, phường B (tên cũ: phường B, quận B), Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số công chứng 00002810 quyền số 02/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/02/2024 tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh) (Ông H có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Bích P, sinh năm 1965; Địa chỉ: 6 L, phường B (tên cũ: Phường A, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu trong hồ sơ vụ án, bản tự khai của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Nguyệt N (bà N) có cho bà Phạm Thị Bích P (bà P) vay tiền nhiều lần từ năm 2020, đến đầu năm 2023, bà N và bà P có viết giấy cam

kết nội dung bà P còn nợ bà N số tiền 150.000.000 đồng, hẹn đến cuối tháng 04/2023 sẽ bắt đầu trả mỗi tháng có nhiều trả nhiều, ít nhất là 10.000.000 đồng cho đến hết ngày 31/12/2023 sẽ hoàn trả đầy đủ.

Tuy nhiên, bà P không trả nợ theo cam kết, nhiều lần xin gia hạn việc trả nợ và hứa hẹn sẽ bán nhà để trả nợ nhưng không thực hiện. Hiện tại, bà N biết bà P đã thế chấp căn nhà số F L, Phường A, quận T (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh cho A, Chi nhánh A1, Phòng G nhưng vẫn cố tình không trả tiền cho bà N. Do đó, bà N yêu cầu bà Phạm Thị Bích P có trách nhiệm thanh toán nợ gốc và nợ lãi chậm trả tạm tính từ tháng 4/2023 đến tháng 12/2024 là 21 tháng $\times 1,67\%/tháng \times 150.000.000$ đồng = 52.500.000 đồng, tổng cộng là 202.500.000 đồng. Thanh toán một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Phạm Thị Bích P trình bày:

Bà xác nhận từ năm 2020 có vay nhiều lần của bà Nguyễn Thị Nguyệt N tổng cộng số tiền 150.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận miệng là 12%/tháng. Bà trả tiền lãi đầy đủ hàng tháng bằng tiền mặt cho bà N với số tiền lãi là 18.000.000 đồng/tháng nhưng bà N không đồng ý ký biên nhận xác nhận đã nhận số tiền lãi hàng tháng này. Đến khoảng đầu năm 2023, bà N yêu cầu bà viết giấy cam kết nên bà đã viết giấy cam kết viết tay xác nhận nội dung “còn nợ số tiền 150.000.000 đồng, hẹn ra tết tháng 4 sẽ trả theo hàng tháng có nhiều trả nhiều số tiền là 10 triệu”, Còn nội dung viết tay có nội dung “ cuối tháng 4 (30/4) ... đến hết ngày 31/12/2023 sẽ hoàn tất” không phải do bà viết. Do hiện hoàn cảnh khó khăn, bà bị tai nạn gãy chân không có khả năng lao động nên đề nghị chỉ thanh toán nợ gốc 150.000.000 đồng, không trả lãi cho nguyên đơn. Về thời hạn thanh toán: bà sẽ thanh toán 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng. Lý do bà không đồng ý thanh toán tiền lãi cho bà N vì từ khi mượn năm 2020 đến tháng 3/2023 bà đã trả đầy đủ tiền lãi 18.000.000 đồng/tháng cho bà N là đã vượt quá lãi suất theo quy định của pháp luật, do đó nay bà N yêu cầu bà trả lãi từ tháng 4/2023 đến nay với lãi suất 1,67%/tháng là không phù hợp.

Ngày 24/7/2025, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nộp đơn xin xét xử vắng mặt và nộp đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi số tiền lãi chậm trả 54.000.000 đồng, giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn thanh toán số nợ gốc 150.000.000 đồng

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn bà Phạm Thị Bích P: Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng bà P vắng mặt, không gửi ý kiến trình bày nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn (Biên bản ngày 21/5/2025 tổng đạt tham gia phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 10/6/2025 và biên bản ngày 09/7/2025 tham gia phiên tòa lần thứ hai ngày 25/7/2025).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Nguyệt N có đơn khởi kiện tranh chấp giao dịch vay tiền với bị đơn bà Phạm Thị Bích P, thuộc trường hợp tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn bà N có nơi thường trú, cư trú tại số F L, phường B (tên cũ: Phường A, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, có hiệu lực thi hành ngày 01/07/2025.

[2] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Trung H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Phạm Thị Bích P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên căn cứ Khoản 1 Điều 207, Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 24/7/2025, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nộp đơn do nguyên đơn bà N ký tên rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc đòi số tiền lãi chậm trả 54.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào bản tự khai của các đương sự, biên bản hòa giải, tài liệu chứng cứ đã công khai là giấy cam kết viết tay có chữ ký và ghi họ tên Phạm Thị Bích P, nội dung “còn nợ số tiền 150.000.000 đồng, hẹn ra tết tháng 4 cuối tháng sẽ trả theo hàng tháng có nhiều trả nhiều số tiền là 10 triệu” và sự xác nhận của bị đơn tại biên bản hòa giải thì giữa các bên có giao dịch dân sự vay tiền nhiều lần từ năm 2020, đến đầu năm 2023 viết giấy cam kết đến hết ngày 31/12/2023 sẽ thanh toán đủ số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng tuy nhiên đến nay bị đơn không thực hiện và đề nghị trả góp mỗi tháng 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số nợ gốc ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận theo qui định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn mà được Tòa án chấp nhận là 7.500.000 đồng. H1 lại Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.100.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, có hiệu lực thi hành ngày 01/07/2025; Điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nguyệt N đòi số tiền lãi chậm trả 54.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Phạm Thị Bích P có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Nguyệt N số tiền nợ gốc còn thiếu là 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Bích P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

H1 tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Nguyệt N số tiền 5.100.000 (Năm triệu một trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002823 ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ. Viện kiểm

sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV4 - TP.HCM;
- Phòng THADS KV4 - TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thụy Hồng Châu